

Số: 04/2020/QĐST-VDS

CR, ngày 23 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v: “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích”
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. CR

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Huỳnh Thị Kim Xuân.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Bích Trương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Q. CR tham gia phiên họp: Ông **Trần Bảo Quốc** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Q. CR, TPCT mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 178/2020/TLST-VDS ngày 26 tháng 8 năm 2020, về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 59/2021/QĐST-VDS ngày 09 tháng 3 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà **ĐTD**, sinh năm: 1951.

Địa chỉ: Số 511F, KV TH, P. PT, Q. CR, TPCT.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Bùi Ngọc Dân**, sinh năm: 1948.

Địa chỉ cư trú cuối cùng: Số 88, tổ 28, KV 4, P. HP, Q. CR, TPCT.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Ngày 24/7/2020 bà ĐTD yêu cầu Tòa án tuyên bố ông BND (là chồng của bà D) mất tích vì ông D bỏ nhà đi từ năm 1984 đến nay đã mất liên lạc với bà D và cả gia đình ông D cũng không biết ông D đi đâu. Địa chỉ cuối cùng trước khi mất liên lạc ở tại: Số 88, tổ 28, KV 4, P. HP, Q. CR, TPCT.

**** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân QCR:***

- *Về thủ tục tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ việc dân sự đến khi mở phiên họp, Thẩm phán đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, chưa phát hiện sai phạm. Nhưng mở phiên họp bị trễ hạn nên cần rút kinh nghiệm.

- *Về nội dung*: Công an P. HP, Q. CR, TPCT đã xác nhận ông BND có đăng ký thường trú tại số 88, tổ 28, KV 4, P. HP, Q. CR, TPCT. Đến ngày 31/8/1981 thì ông D bị xóa đăng ký thường trú do bỏ địa phương đi và hiện tại không có sinh sống tại địa phương. Sau khi thụ lý vụ việc trên thì Tòa án đã tiến hành thủ tục đăng tin trên báo, đài theo quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn thông báo vẫn không có tin tức của ông D. Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy yêu cầu của bà ĐTD là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận và tuyên bố ông BND mất tích.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của người yêu cầu và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận Cái Răng nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ngày 24/7/2020 bà ĐTD có đơn yêu cầu tuyên bố ông BND mất tích. Do đó, đơn yêu cầu của bà D được Tòa án nhân dân Q. CR thụ lý và giải quyết việc dân sự là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu của bà D*: Giữa bà và ông D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 1971, thời gian chung sống vợ chồng có 05 con chung nhưng vào năm 1984 ông D bỏ nhà đi, từ đó đến nay ông D đã không còn liên lạc với bà và các con bà, đồng thời ông D cũng không liên lạc với ai bên gia đình của ông D. Địa chỉ cư trú cuối cùng của ông BND là tại số 88, tổ 28, KV 4, P. HP, Q. CR, TPCT. Do bà và ông D có mối quan hệ vợ chồng nên về mặt pháp lý bà không thể tự mình làm được các thủ tục liên quan đến phần tài sản riêng của gia đình bà. Vì vậy, bà làm đơn yêu cầu tuyên bố ông BND mất tích để bà không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý. Nếu sau này ông D có trở về nhà thì bà sẽ làm đơn yêu cầu hủy bỏ việc tuyên bố mất tích này để ông D được khôi phục lại tất cả các quyền lợi của mình. Tuy nhiên, tại phiên họp bà khẳng định đây là tài sản riêng của gia đình bà chứ không có tài sản chung với ông D. Bà và ông D chỉ có mối quan hệ vợ chồng nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chưa tạo lập được khối tài sản chung nào nên việc tuyên bố ông BND mất tích cũng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông BND.

[3] *Về mặt chứng cứ*: Công an P. HP, Q. CR xác nhận ông BND có đăng ký thường trú tại số 88, tổ 28, KV 4, P. HP, Q. CR, TPCT. Đến ngày 31/8/1981 thì ông D bị xóa đăng ký thường trú do bỏ địa phương đi và hiện tại không có sinh sống tại địa phương. Đồng thời, phía gia đình ông D cũng cho biết ông D

đã bỏ đi từ năm 1984 đến nay không có liên lạc với ai trong gia đình nên không ai biết tin tức của ông D. Mặt khác, sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu của bà D thì cũng đã tiến hành đăng tin tìm kiếm ông BND trên phương tiện thông tin đại chúng liên tiếp 03 kỳ vào các ngày 14/11/2020, ngày 15/11/2020 và ngày 16/11/2020. Đến nay đã hết thời hạn thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn không có tin tức của ông BND. Do đó, bà ĐTD yêu cầu tuyên bố ông BND mất tích là có cơ sở nên được Tòa án chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ pháp lý giải quyết yêu cầu tuyên bố mất tích trong trường hợp này phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 27, Điều 387, Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35 và điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 387, Điều 388 và Điều 389 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Điều 68, Điều 69 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

1. Về yêu cầu tuyên bố một người mất tích:

- *Chấp nhận yêu cầu của bà ĐTD.*

- Tuyên bố ông BND, sinh năm 1948, nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 88, tổ 28, KV 4, P. HP, Q. CR, TPCT mất tích.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

- Bà ĐTD là người cao tuổi và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng lệ phí và lệ phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà D được nhận lại 300.000đồng tạm ứng lệ phí đã nộp theo phiếu thu số 006317 ngày 24/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự Q. CR, TPCT.

- Các chi phí, lệ phí khác như thông báo công khai trên báo, đài thì bà D đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ việc có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Người vắng mặt tại phiên họp được kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quyết định hoặc quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo luật định.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* **Nơi nhận:**

- TAND. TPCT;
- VKSND.Q.CR;
- Chi cục THADS Q.CR;
- Người TGTT;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Huỳnh Thị Kim Xuân